

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
Số: 2353/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kbang, ngày 24 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Sơ Pai, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ Nhiệm vụ và hồ sơ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng khu chức năng và Quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 266/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện Kbang Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Sơ Pai, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

Căn cứ Thông báo số 701/TB/HU ngày 18/10/2023 của Ban thường vụ Huyện ủy về thống nhất chủ trương thông qua Đồ án quy hoạch chung xây dựng 13 xã.

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 11/XD-KT&HT ngày 20/11/2023 về việc thẩm định quy hoạch chung xây dựng xã Sơ Pai, huyện Kbang đến năm 2032,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Sơ Pai, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Sơ Pai, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

*** Phạm vi lập quy hoạch:** Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch trên phạm vi toàn xã.

*** Ranh giới:**

+ Phía Bắc giáp: Xã Sơn Lang, huyện Kbang.

+ Phía Nam giáp: Xã Đăk Smar, huyện Kbang.

+ Phía Đông giáp: huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

+ Phía Tây giáp: Xã Krong, huyện Kbang.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

*** Mục tiêu quy hoạch:**

- Hình thành xã đạt chuẩn nông thôn mới, theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới. Nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

- Giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá địa phương và bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai lập các quy hoạch chi tiết, cho việc tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

*** Tính chất:**

- Là xã có tính chất quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, thể dục thể thao, an ninh quốc phòng của huyện KBang.

3. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

3.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn xã 2022 là: 6.015 người.

- Quy mô dân số định hướng đến năm 2032: 6.726 người.

3.2. Dự báo lao động:

- Dự báo lao động đến năm 2032: 3.363 người.

3.3. Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích tự nhiên của xã năm 2022: 11.484,98 ha.

- Quy mô đất đai trên phạm vi toàn xã đến năm 2032: 11.484,98 ha.

3.4. Các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật:

Các chỉ tiêu về kiến trúc, quy hoạch tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07/2016/BXD.

4. Phân khu chức năng:

4.1. Điểm dân cư trung tâm xã :

- Là trung tâm hành chính, công cộng, y tế, văn hoá, giáo dục của xã.
- Là điểm dân cư dịch vụ thương mại là chủ yếu. Bên cạnh còn gắn các điểm dân cư người bản địa sống ổn định từ lâu đời...
- Phát triển không gian tập trung.
- Quản lý xây dựng theo khung quy định, xây dựng hình ảnh khu trung tâm tiếp cận với không gian đô thị.
- Gồm các hộ thương mại dịch vụ có diện tích 200m² - 400m² (là các hộ ở vị trí thuận lợi gần các trục giao thông chính, trung tâm xã) cần xác định mật độ xây dựng phù hợp với từng lô đất.
- Mật độ xây dựng: < 70%;

4.3. Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp

- Phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, tăng sản phẩm hàng hoá trao đổi và xuất khẩu, phù hợp với lợi thế sản xuất và nhu cầu thị trường, Đảm bảo nhu cầu chính yếu cho đời sống (an toàn lương thực - thực phẩm) và làm nguyên liệu cho tiểu thủ công nghiệp của địa phương phát triển.
- Đưa các giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao đầu tư khoa học - kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, chất lượng và giá thành hạ; tạo sức cạnh tranh cao trên thị trường
- Khai thác có hiệu quả công trình thủy lợi để mở rộng diện tích lúa nước, tận dụng nguồn tài nguyên đất đai, điều kiện khí hậu thời tiết để phát triển đa ngành.
- Quy hoạch vùng sản xuất hợp lý trên cơ sở quỹ đất hiện có phù hợp với loại cây trồng.
- Xây dựng và kiên cố hóa hệ thống kênh mương, đập giữ nước đảm bảo lượng nước tưới cho cây trồng vào mùa khô.

4.4. Chăn nuôi - thủy sản:

*** Chăn nuôi:**

- Khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp (mô hình chăn nuôi trang trại). Chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và công nghệ cao.

*** Thủy sản:**

- Cải tạo toàn bộ diện tích mặt nước và tận dụng các vùng đất thấp ven sông, suối xây dựng ao nuôi thủy sản với các loài có giá trị kinh tế cao

4.5. Quy hoạch sản xuất TTCN, ngành nghề, thương mại dịch vụ:

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích nghề truyền thống của xã phát triển, đặc biệt là các nghề phục vụ cho tiêu dùng hàng ngày và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương như: xay xát, mộc dân dụng, giết mổ gia súc... nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tại chỗ của nhân dân và làm hàng hóa.

4.6. Phát triển thương mại - dịch vụ

- Đầu tư xây dựng chợ trung tâm xã để tạo điều kiện cho mua bán và trao đổi hàng hoá nông sản của nhân dân.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi, cũng như áp dụng các chính sách ưu đãi của Nhà nước ở mức cao nhất cho hộ kinh doanh lĩnh vực thương mại mở rộng ngành nghề kinh doanh và mở rộng thêm các cơ sở kinh doanh.

- Đối với các làng dân tộc thiểu số cần gìn giữ và phát huy bản sắc của từng làng... quy hoạch không gian kiến trúc phù hợp theo văn hóa dân tộc, đồng thời xây dựng phát triển không gian văn hóa bản địa, xây dựng mô hình làng văn hóa, làng nghề truyền thống của người dân tộc thiểu số... nhằm phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng (dạng homestay), tìm hiểu văn hóa dân tộc bản địa,...

- Khai thác, phát triển dịch vụ du lịch kết hợp với phát triển các hình thức dịch vụ tham quan, nghỉ dưỡng kết hợp tại các hộ dân trong thôn, làng dạng homestay, farmstay...

5. Định hướng tổ chức không gian xã:

5.1. Các nội dung điều chỉnh khu trung tâm xã và công trình chức năng của xã:

- Quy hoạch chợ xã tại 1 phần đất của Công ty TNHH MTV LN Sơ Pai diện tích 0,27ha.

- Quy hoạch đất công an xã nằm phía Đông Nam trụ sở UBND xã với diện tích 0,12ha.

- Quy hoạch Bến xe xã trên trục đường lên xã đối diện chợ xã với diện tích khoảng 0,2ha.

- Quy hoạch mới tuyến đường nội thôn từ chợ xã đến giáp đất trường tiểu học và trung học cơ sở xã Sơ Pai có chiều dài khoảng 620m và quy hoạch mới đường nội thôn từ trung tâm y tế xã đầu nối với trục đường này có chiều dài khoảng 300m.

- Quy hoạch mới tuyến đường phía Đông Bắc thôn đầu nối từ đường Liên xã về phía Bắc với đường nội thôn 5, và 1 tuyến đường phía Đông Bắc nghĩa địa thôn đầu nối dân cư phía Bắc.

- Quy hoạch mới 3 trục đường tuyến 2 tuyến 3 tại khu vực phía Nam thôn 2 và định hướng đất ở quy hoạch dọc các trục đường này.

- Quy hoạch trục đường tuyến 2 song song với đường liên xã phía Đông nhà văn hóa thôn.

- Quy hoạch mới tuyến đường phía Tây Bắc thôn.

- Quy hoạch đường nội thôn từ thôn 2 đoạn từ nhà Mạnh Ngọc đến đường nội thôn 4.

- Bãi rác: Quy hoạch bãi rác của xã phía Tây Bắc trung tâm xã diện tích: 2,4ha.

- Nghĩa trang xã: Quy hoạch đối diện bãi rác xã với diện tích 3ha.

5.2. Đối với các thôn làng:

*** Làng Buôn Lưới:**

- Quy hoạch đất cây xăng với diện tích 0,43ha tại trung tâm làng nằm trên trục đường Trường Sơn Đông.

- Quy hoạch mới trục đường tuyến 3 phía Bắc thôn nối với đường Trường Sơn Đông và phát triển dân cư dọc trục đường này.

- Quy hoạch phát triển dân cư dọc trục đường Trường Sơn Đông phía Tây Bắc làng.

- Quy hoạch mới trục đường nội thôn phía Tây thôn.

*** Thôn 1:**

- Quy hoạch phát triển dân cư phía Bắc và phía Nam của thôn 1.

- Quy hoạch mới trục đường nội thôn phía Tây thôn.

*** Thôn 2:**

+ Quy hoạch mới tuyến đường nội thôn từ chợ xã đến giáp đất trường tiểu học và trung học cơ sở xã Sơ Pài có chiều dài khoảng 620m và quy hoạch mới đường nội thôn từ trung tâm y tế xã đầu nối với trục đường này có chiều dài khoảng 300m.

+ Quy hoạch mới tuyến đường phía Đông Bắc thôn đầu nối từ đường Liên xã về phía Bắc với đường nội thôn 5, và 1 tuyến đường phía Đông Bắc nghĩa địa thôn đầu nối dân cư phía Bắc.

+ Quy hoạch mới 3 trục đường tuyến 2 tuyến 3 tại khu vực phía Nam thôn 2 và định hướng đất ở quy hoạch dọc các trục đường này.

+ Quy hoạch trục đường tuyến 2 song song với đường liên xã phía Đông nhà văn hóa thôn.

+ Quy hoạch mới tuyến đường phía Tây Bắc thôn

+ Quy hoạch đường nội thôn từ thôn 2 đoạn từ nhà Mạnh Ngọc đến đường nội thôn 4.

*** Thôn 3:**

- Quy hoạch mở tuyến đường nội thôn từ nhà ông Hận đi dọc theo bờ hồ Buôn Lưới đến nhà ông Nông Quốc Thái có chiều dài khoảng 540m.

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng đoạn từ nhà ông Thanh đến ngã 3 đường Liên xã thôn 4 chiều dài đoạn mở mới khoảng 1.140m.

- Quy hoạch mới trục đường nội đồng cụm dân cư phía Đông thôn 3.

- Điều chỉnh nắn tuyến đường nội thôn tại khu vực phía Tây Nam thôn và mở mới 1 tuyến đường nội thôn.

- Quy hoạch phát triển dân cư về phía Bắc của thôn và 1 phần dọc trục đường trên trục đường Liên xã phía Tây Nam thôn.

*** Thôn 4:**

- Quy hoạch mới tuyến đường nội thôn từ đường Liên xã đầu nối với đất dân cư ở phía Bắc có chiều dài khoảng 300m.

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng từ nhà ông Dũng đến khu đề tài có chiều dài khoảng 650m.

- Quy hoạch mới đường nội đồng giáp ranh giới xã Đak Smar đến đất ông Hùng.

- Đầu nối tuyến đường phía Tây thôn chiều dài đoạn đầu nối khoảng 70m

- Quy hoạch phát triển dân cư dọc các trục đường Liên xã và đường nội thôn phía

Đông Nam thôn và 1 phần phía Tây thôn.

+ Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng đoạn từ nhà ông Thanh đến ngã 3 đường Liên xã thôn 4 chiều dài đoạn mở mới khoảng 1.140m.

+ Quy hoạch mới trục đường nội đồng cụm dân cư phía Đông thôn 3.

*** Thôn 5:**

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng từ nhà ông Lục Liễu đến hồ Buôn Lưới với chiều dài khoảng 570m. Và 1 tuyến đường phía Đông hội trường thôn.

- Quy hoạch phát triển dân cư phía Bắc và phía Tây của thôn.

- Quy hoạch đất thể dục thể thao phía Tây thôn.

*** Làng Tơ Kor:**

- Quy hoạch phát triển dân cư chủ yếu phía Bắc của làng.

- Quy hoạch mới trục đường nội thôn phía Đông Nam thôn và phát triển dân cư dọc trục đường này.

6. Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- Quy hoạch đất nông nghiệp khác phía Tây Bắc của làng trên trục đường Trường Sơn Đông với diện tích 1,20ha.

- Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phía Đông Bắc của thôn nằm trên trục đường Liên xã với diện tích 0,14ha, và 1 vị trí phía Tây Nam thôn với diện tích 0,18ha.

- Quy hoạch Khu chăn nuôi heo công nghệ cao 02 trang trại: khu trại bò huyện đối cũ với diện tích khoảng 62,23ha và phía Tây Bắc xã diện tích 45ha.

7. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN XÃ

STT	Mục đích sử dụng đất	Định hướng đến năm 2027		Định hướng đến năm 2032	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	11.169,92	97,26%	11.131,90	96,93%
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	4.300,21	37,44%	3.816,51	33,23%
1.2	Đất lâm nghiệp	6.783,25	59,06%	7.131,59	62,09%
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	21,57	0,19%	21,57	0,19%
1.4	Đất nông nghiệp khác	64,89	0,57%	162,23	1,41%
2	Đất xây dựng	199,34	1,74%	243,36	2,12%
2.1	Đất ở	76,28	0,66%	82,42	0,72%
2.2	Đất công cộng	7,85	0,07%	12,44	0,11%
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	3,06	0,03%	4,67	0,04%
2.4	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,00	0,00%	2,57	0,02%
2.5	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	4,00	0,03%	10,00	0,09%
2.6	Đất xây dựng các chức năng khác	3,70	0,03%	4,75	0,04%
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	98,92	0,86%	113,51	0,99%

2.7.1	Đất giao thông	82,32	0,00%	89,36	0,00%
2.7.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,00	0,00%	2,40	0,00%
2.7.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	9,60	0,00%	9,60	0,00%
2.7.4	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	7,00	0,00%	12,15	0,00%
2.8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	5,53	0,048%	12,88	0,112%
2.9	Đất quốc phòng, an ninh	0,00	0,000%	0,12	0,001%
3	Đất khác	115,72	1,01%	109,72	0,96%
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	109,30	0,95%	109,30	0,95%
3.2	Đất chưa sử dụng	6,42	0,06%	0,42	0,00%
-	Tổng cộng	11.484,98	100%	11.484,98	100%

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối:

8.1. Quy hoạch san nền thoát nước mưa:

8.1.1. San nền:

- Tôn trọng hiện trạng, đảm bảo khu vực không bị ngập úng sạt lở đất.
- Hạn chế đào đắp lớn.
- Thoát nước mặt thuận lợi.
- Kinh phí đầu tư cho công tác san nền thoát nước hiệu quả nhất.

8.1.2. Thoát nước mưa:

- Chế độ thoát tự chảy dựa vào độ dốc địa hình tự nhiên.
- Chỉ nên xây dựng cống thoát nước cho khu vực có ít nhất 20 hộ gia đình sống tập trung.
- Chọn chủng loại mương xây đầy nắp đan, cống tròn BTCT xây dựng dọc theo vỉa hè các trục đường giao thông.
- Các cống qua đường sử dụng cống tròn hoặc cống bản (BTCT).
- Đối với trục đường liên xã sử dụng mương xây đầy nắp đan 1500x1500 đảm bảo thu gom nước mưa từ các khu dân cư, khu công cộng...
- Khu vực trung tâm xã và trong các khu dân cư, khu vực công cộng, dịch vụ, chọn chủng loại cống tròn, tiết diện D800-1200 độ dốc dọc cống $i = 0,3\%$ (đảm bảo: $i \min > 1/D$).
- Tổng chiều dài các tuyến cống, mương 133,46m, đạt khoảng 100% tổng chiều dài đường trong khu dân cư có cống, mương.
- Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ bao gồm: tuyến mương (cống), hố ga thu nước mưa, giếng kiểm tra, hố ga và cửa xả.
- Trục tiêu chính là các suối, khe lớn trong khu vực.

8.2. Quy hoạch giao thông:

Bảng tổng hợp mặt cắt giao thông điển hình

TT	Tên loại đường	Tên mặt cắt giao thông	Lòng đường (m)	Vĩa hè (m)	Chỉ giới giao	Ghi chú
----	----------------	------------------------	----------------	------------	---------------	---------

					thông (m)	
1	Đường Trường Sơn Đông	1-1	7,5	12,25x2	30	
2	Đường Huyện, đường Liên xã	2-2	5,5	7,25x2	20	- Lòng đường đoạn qua trung tâm xã: 10,5m.
3	Đường xã; đường liên thôn, làng	3-3	5,5	3,75x2	13	
4	Đường nội thôn, làng	4-4	5,5	3x2	11,5	
5	Đường đi khu sản xuất	5-5	3,5	1,75x2	7	

8.3. Quy hoạch thủy lợi:

Duy tu và bảo dưỡng các công trình thủy lợi hiện có nhằm đảm bảo năng lực tưới theo thiết kế.

Vận động nhân dân các thôn, làng thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi trên địa bàn xã, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy để đảm bảo phục vụ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp.

8.4. Quy hoạch cấp điện:

8.4.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp điện:

- Tổng công suất cấp điện dự báo đến năm 2027 là 1.849 KVA.
- Tổng công suất cấp điện dự báo đến năm 2032 là 1.969 KVA.

8.4.2. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

Nguồn cấp điện:

- Nguồn điện cấp cho khu vực xã Sơ Pai từ đường dây 22KV hiện có xuất tuyến An Khê đi Kbang.

Trạm biến áp:

- Quy hoạch mở rộng lưới điện và bố trí mới các TBA 22/0,4KV công suất từ 150-250KVA, đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân tại các thôn, làng hiện có và đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho các khu dân cư mới trên địa bàn xã cũng như phục vụ đến các khu sản xuất tập trung.

+ Đối với khu vực dân cư tập trung sẽ nâng cấp công suất cho các TBA lên 250 – 400 KVA, mở rộng phạm vi cung cấp điện cho toàn bộ các khu dân cư và khu vực phát triển mở rộng.

+ Đối với các khu quy hoạch mới, các khu vực dân cư còn lại sẽ tính toán nâng cấp công suất đối với các trạm biến áp hiện có, hoặc bố trí mới trạm biến áp phù hợp với nhu cầu phụ tải từng khu vực.

- Dự kiến giai đoạn đến năm 2030 sẽ quy hoạch bổ sung 5 TBA mới tại các khu dân cư phát triển mới.

Đường dây điện 22KV:

- Nâng cấp, cải tạo lưới điện hiện có của xã với tổng chiều dài đường dây 17,69km. Loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai

đoạn thiết kế, triển khai thực hiện dự án riêng.

Đường dây điện 0,4KV:

- Chính trang lại các tuyến đường dây 0,4KV, thay thế các tuyến đường dây không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn cấp điện. Quy hoạch mới các tuyến cấp điện đến các khu dân cư giãn dân, khu sản xuất. Dự kiến đầu tư mới khoảng 6,57 km. Loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện các dự án.

Chiếu sáng giao thông:

- Phát triển chiếu sáng khu vực nông thôn kết hợp cải tạo với xây dựng mới, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung toàn xã.

- Sử dụng các nguồn năng lượng mới, tái tạo trong hoạt động chiếu sáng nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng điện - năng lượng và bảo vệ môi trường.

- Sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện.

- Sử dụng năng lượng mặt trời trong chiếu sáng công cộng, các trục đường chính ngoài khu dân cư...

8.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

8.5.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2027 là 662 m³/ng.đ.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2032 là 699 m³/ng.đ.

Nguồn nước:

- Nguồn nước mặt: Mạng lưới sông suối trên địa bàn xã, hồ chứa...

- Nguồn nước ngầm: Khai thác từ giếng khoan, do địa hình xã tương đối bằng phẳng, các nguồn nước mặt, ao hồ lớn phân bố khá đồng đều trên địa bàn.

Giải pháp quy hoạch:

- Đối với các hộ dân phân bố không tập trung: Cấp nước theo hình thức phân tán, sử dụng các giếng khoan đường kính nhỏ có công trình lọc nước gia đình đúng kỹ thuật.

- Đối với các cụm dân cư tập trung: Cấp nước theo hình thức tập trung với các công trình xử lý nước hoàn chỉnh.

Công trình đầu mối:

- Giai đoạn trước mắt: Tạm thời sử dụng giếng đào, giếng khoan đường kính nhỏ cấp nước cho nhu cầu dân sinh, cần phải hướng dẫn các hộ gia đình xử lý nước trước khi dùng bằng bể lọc gia đình.

- Giai đoạn đến năm 2027: Nhu cầu dùng nước là 662 m³/ngày-đêm. Định hướng xây dựng 2 trạm cấp nước có tổng công suất 662 m³/ngày-đêm, công trình cấp nước dự kiến bố trí gồm giếng khoan và thủy đài 50m³ kết hợp với bơm nước mặt từ hồ đập giữ nước. Nước sau khi xử lý nước được bơm vào mạng lưới đường ống cấp cho các khu vực dân cư và công trình công cộng. Đối với các khu vực dân cư không tập trung, giai đoạn này tiếp tục sử dụng các nguồn nước giếng khoan giếng đào tại chỗ.

+ Giai đoạn đến năm 2032: Nhu cầu dùng nước là 699 m³/ngày-đêm, nâng cấp trạm cấp nước để phục vụ nhu cầu cho các khu vực dân cư phát triển mới. Đồng thời mở rộng hệ thống cấp nước sạch đến từng hộ dân.

8.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

8.6.1. Tổng lưu lượng nước thải:

- Tổng lượng nước thải đến năm 2027 là 361 m³/ng.đ.
- Tổng lượng nước thải đến năm 2032 là 516 m³/ng.đ.

8.6.2. Các chỉ tiêu và dự báo khối lượng chất thải rắn:

- Khối lượng chất thải rắn đến năm 2027 là 4,1 tấn/ng.đ.
- Khối lượng chất thải rắn đến năm 2032 là 5,26 tấn/ng.đ.

8.6.3. Giải pháp quy hoạch thoát nước thải và bảo vệ môi trường:

Thoát nước bản:

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ được dẫn chung trong mương thoát nước mưa đặt trong các ngõ, xóm rồi đổ ra kênh tiêu nước nông nghiệp.

- Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi gia súc tập trung sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas.

Chất thải rắn:

- Giai đoạn đến năm 2027:

+ Quy hoạch bãi rác của xã phía Tây Bắc trung tâm xã diện tích: 2,4ha.

+ Các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các xóm được bố trí trong bán kính không quá 100m, xây dựng 15-20 bể chứa CTR cho các khu dân cư trong xã và bố trí 1 xe thu gom và vận chuyển chất thải rắn từ các điểm tập kết đến điểm tập trung tạm thời.

- Giai đoạn đến năm 2032:

+ Vận động các hộ dân phân loại CTR tại gia đình để tái sử dụng một phần CTR hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và phân bón cây trồng.

8.7. Quy hoạch nghĩa trang:

- Định hướng nghĩa trang các thôn làng có diện tích 1,0-2,0 ha

- Đối với các thôn, làng có nghĩa trang gần với khu dân cư (dưới 500m) thì khoanh vùng lại và tìm vị trí quy hoạch mới đảm bảo tiêu chuẩn cũng như đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Dự kiến đến giai đoạn dài hạn: Trồng cây xanh bao quanh nghĩa trang, xây dựng đường đi, mộ chỉ xây có hàng lối, tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp tôn nghiêm.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

9.1. Các dự án ưu tiên đầu tư:

Làm mới, nâng cấp các tuyến đường liên thôn, làng và các tuyến trục thôn, làng, các tuyến đường ra khu sản xuất. Đầu tư các công trình công cộng thiết yếu cấp xã và các thôn làng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật...

9.2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách, kêu gọi nhân dân đóng góp, vốn xã hội hóa và huy động các nguồn vốn khác.

10. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: (có quy định cụ thể kèm theo)

11. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện:

11.1. Tiến độ:

- Giai đoạn đầu 2023-2027

- Giai đoạn sau 2028-2032

11.2. Giải pháp tổ chức thực hiện: Thực hiện theo phân kỳ các giai đoạn trung hạn 5 năm và có kế hoạch chi tiết thực hiện hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân xã Sơ Pai phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký thay thế cho Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Sơ Pai giai đoạn 2017-2020.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND Huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sơ Pai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Xây dựng;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, VP, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

